

Số: 240/2020/QĐST-HNGĐ

Hải An, ngày 18 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều **55, 58, 81, 82 và 83** của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 290/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Lê Thị Q; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 11, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số nhà 14, ngõ 685, đường H 3, phường D 2, thành phố Hải Phòng.

2. Anh Lê Văn H; trú tại: Tổ dân phố số 11, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Q và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng ngày 03 tháng 5 năm 2000 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời trình bày của hai bên và tại phiên hòa giải ngày 10 tháng 11 năm 2020 cho thấy quá trình chung sống giữa chị **Q và anh H** phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh chị bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Gia đình hai bên và Tòa án đã hòa giải mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Việc chị **Q và anh H**

xin thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 và Điều 55 Luật hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị **Q và anh H** về việc yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về con chung: Chị **Q và anh H** có 03 con chung là Lê Mạnh D, sinh ngày 23/10/2000; Lê Thế H, sinh ngày 22/12/2007 và Lê Ngọc H, sinh ngày 15/11/2014. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao con chung Lê Ngọc H cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; giao con chung Lê Thế H cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung Lê Mạnh D hiện nay đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị **Q và anh H** cùng xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị **Q và anh H** mỗi người chịu ½ lệ phí theo quy định của pháp luật.

[5] Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10/11/2020, ghi nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của chị Q và anh H gồm các nội dung từ [1] đến [4]. Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Q và anh Lê Văn H thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

+ Giao con chung Lê Ngọc H, sinh ngày 15/11/2014 cho chị Lê Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Giao con chung Lê Thế H, sinh ngày 22/12/2007 cho anh Lê Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung Lê Mạnh D, sinh ngày 23/10/2000 hiện nay đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Q và anh H cùng xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Q và anh H mỗi người phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh, chị đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu số 0017941 ngày 04/11/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An;
- **UBND phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng;**
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Đặng Văn Tuyên